TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Châu Đình Ngữ.

2. Ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh N- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1996; Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Duy V, sinh năm 1994; Địa chỉ: Kiệt B T, tổ G, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10 tháng 4 năm 2024, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T và ông Trần Duy V có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2019 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Ông Trần Duy V không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng sống ly thân cuối năm 2021 đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Duy V.

Về con chung: Bà Đỗ Thị T trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Trần Duy K, sinh ngày 6/10/2019 hiện nay đang ở với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông Trần Duy V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trần Duy V biết việc bà T xin ly hôn và yêu cầu ông V cung cấp lời khai nhưng trong thời hạn luật định ông V không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T cho biết: Chị Đỗ Thị T và anh Trần Duy V có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2019 tại UBND phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống, vợ chồng anh V, chị T sinh được 01 người con chung là cháu Trần Duy K, sinh ngày 06/10/2019. Chính quyền địa phương không nhận được thông tin phản ánh về việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V. Do đó, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị T yêu cầu ly hôn với anh V thì chính quyền địa phương không rõ.

Do bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 04/7/2024, ông v vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 25/7/2024, đồng thời tống đạt các văn bản trên cho ông v. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã

thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Đỗ Thị T được ly hôn ông Trần Duy V; giao cháu Trần Duy K, sinh ngày 06/10/2019 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Đỗ Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Trần Duy V đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày và vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T và ông Trần Duy V có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông V đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu theo bà T trình bày là do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, ông Trần Duy V không có trách nhiệm với gia đình, chứng tỏ ông V không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Vợ chồng ông V bà T cũng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Đỗ Thị T và ông Trần Duy V đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn ông V là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Bà Đỗ Thị T và ông Trần Duy V có 01 con chung là cháu Trần Duy K, sinh ngày 06/10/2019. Hiện nay cháu đang ở với bà T.

Xét yêu cầu nuôi con của bà T thấy rằng: Bà T trình bày bà có nghề nghiệp ổn định, thu nhập mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu. Xét thấy hiện cháu K đang ở với bà T và do bà

T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông V không có ý kiến gì về con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ và môi trường sinh hoạt, học tập của cháu thì cần giao cháu K cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Đỗ Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị T. Bà Đỗ Thị T được ly hôn ông Trần Duy V.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Duy K, sinh ngày 06/10/2019 cho bà Đỗ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Duy V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Duy V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0002911 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Đỗ Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (ĐKKH ngày 09/8/2019);
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ, lưu dán án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Châu